

THÔNG TƯ
Quy định việc công bố và cung cấp thông tin
của Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 77/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) quy định việc công bố và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc công bố và cung cấp thông tin về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối (sau đây gọi tắt là tiền tệ và ngân hàng) thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.
2. Tổ chức, cá nhân được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc công bố và cung cấp thông tin

1. Đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời.
2. Thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định.
3. Đảm bảo không vi phạm các quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Chương II **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Điều 4. Các thông tin công bố

1. Văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành.
2. Chủ trương, quyết định điều hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Thống đốc) về tiền tệ và ngân hàng.
3. Thông báo về việc thành lập, mua, bán, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, phá sản, giải thể, thu hồi giấy phép, chấp thuận mở rộng mạng lưới và xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).
4. Tình hình diễn biến tiền tệ và ngân hàng.
5. Việc công bố thông tin kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

Điều 5. Thẩm quyền công bố thông tin

1. Thống đốc là người có thẩm quyền công bố các thông tin về tiền tệ và ngân hàng thuộc thẩm quyền quản lý của Ngân hàng Nhà nước.
2. Thống đốc giao Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Phó Thống đốc), Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước công bố thông tin về tiền tệ và ngân hàng trong phạm vi lĩnh vực được giao phụ trách, quản lý theo quy định tại Thông tư này.
3. Cán bộ, công chức, viên chức Ngân hàng Nhà nước không được nhân danh Ngân hàng Nhà nước công bố thông tin về tiền tệ và ngân hàng nếu không được Thống đốc giao nhiệm vụ. Khi nhân danh cá nhân (không nêu tên cơ quan, chức vụ công tác) phát ngôn, trả lời phỏng vấn báo chí hoặc đăng tải thông tin trên các phương tiện thông tin tuyên truyền, cán bộ, công chức, viên chức Ngân hàng Nhà nước không được tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật điều tra, bí mật công vụ, thông tin sai sự thật, thông tin không trung thực, thông tin trái với đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước và của Ngành.

Điều 6. Hình thức công bố thông tin

1. Đăng tải trên Trang thông tin điện tử (Website) của Ngân hàng Nhà nước.
2. Tổ chức họp báo.
3. Công bố thông tin tại các buổi giao ban báo chí, họp báo do các cơ quan của Đảng, cơ quan của Chính phủ tổ chức.
4. Trả lời phỏng vấn báo chí.
5. Công bố thông tin trên báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước.

6. Công bố thông tin trên các ấn phẩm khác của Ngân hàng Nhà nước và các phương tiện thông tin tuyên truyền khác.

Điều 7. Công bố thông tin trên Website Ngân hàng Nhà nước

1. Website Ngân hàng Nhà nước là phương tiện công bố thường xuyên các thông tin về tiền tệ và ngân hàng quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Nội dung cụ thể về các thông tin công bố, định kỳ, thời hạn và thẩm quyền công bố thông tin trên Website Ngân hàng Nhà nước được quy định tại Phụ lục đính kèm Thông tư này.

3. Quy trình cập nhật, đăng tải, quản lý thông tin công bố trên Website Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức, quản lý và vận hành Trang thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước.

Điều 8. Tổ chức họp báo

1. Định kỳ 6 tháng một lần hoặc đột xuất, Ngân hàng Nhà nước tổ chức họp báo để cung cấp thông tin cho báo chí về các chủ trương, chính sách, văn bản quan trọng mới ban hành của Ngân hàng Nhà nước; các sự kiện đáng chú ý về tiền tệ và ngân hàng. Thống đốc quyết định thời gian, cách thức, địa điểm, nội dung và người chủ trì họp báo.

2. Người chủ trì họp báo trả lời các câu hỏi của phóng viên báo chí trong phạm vi thông tin quy định tại Điều 4 Thông tư này và có quyền từ chối trả lời những vấn đề:

a) Vượt quá thẩm quyền được giao.

b) Đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra, xác minh, chưa có kết luận chính thức.

c) Thuộc danh mục bí mật nhà nước.

3. Văn phòng Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Văn phòng) là đơn vị đầu mối chuẩn bị tài liệu và tổ chức họp báo theo chỉ đạo của Thống đốc. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm cung cấp cho Văn phòng các thông tin liên quan để phục vụ họp báo.

4. Thủ trưởng đơn vị tham dự họp báo khi được Thống đốc yêu cầu.

Điều 9. Công bố thông tin tại các buổi giao ban báo chí, họp báo do các cơ quan của Đảng, cơ quan của Chính phủ tổ chức

1. Thống đốc cử người tham dự các buổi giao ban báo chí, họp báo do các cơ quan của Đảng, cơ quan của Chính phủ tổ chức có mời đại diện Ngân hàng Nhà nước tham dự.

2. Văn phòng làm đầu mối chuẩn bị nội dung thông tin công bố tại các buổi giao ban báo chí, trình Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách công tác thông tin, tuyên truyền duyệt để công bố và cung cấp cho báo chí.

3. Thông tin công bố tại các buổi họp báo do một đơn vị làm đầu mối chuẩn bị theo chỉ đạo của Thống đốc hoặc Phó Thống đốc được Thống đốc phân công.

Điều 10. Trả lời phỏng vấn báo chí

1. Thống đốc, Phó Thống đốc, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước là người có thẩm quyền nhân danh Ngân hàng Nhà nước trả lời phỏng vấn của báo chí về các vấn đề liên quan đến tiền tệ và ngân hàng.

2. Người trả lời phỏng vấn báo chí có quyền từ chối trả lời những vấn đề nêu tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư này và các vấn đề không thuộc lĩnh vực được giao phụ trách, quản lý.

Điều 11. Công bố thông tin trên báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước

1. Thống đốc quyết định nội dung thông tin công bố trên báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước.

2. Vụ Chính sách tiền tệ làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan soạn thảo báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước, trình Thống đốc duyệt để phát hành.

Điều 12. Công bố thông tin trên các ấn phẩm khác của Ngân hàng Nhà nước và các phương tiện thông tin tuyên truyền khác

Thống đốc, Phó Thống đốc, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có quyền công bố thông tin về tiền tệ và ngân hàng trên các ấn phẩm khác của Ngân hàng Nhà nước và các phương tiện thông tin tuyên truyền khác.

Điều 13. Công bố thông tin trong trường hợp đột xuất, bất thường

1. Ngân hàng Nhà nước công bố thông tin đột xuất, bất thường trong các trường hợp:

a) Khi thấy cần thiết phải thông tin trên báo chí về các sự kiện, vấn đề quan trọng thuộc lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng có thể gây tác động lớn trong xã hội cần định hướng hoặc cảnh báo kịp thời.

b) Khi cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí hoặc cơ quan Đảng, Chính phủ yêu cầu công bố thông tin về các sự kiện, vấn đề thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

c) Khi có căn cứ xác định báo chí đăng tải thông tin chưa chính xác, sai sự thật về lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước quản lý.

2. Thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Văn phòng kịp thời tham mưu, đề xuất với Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách định hướng công bố thông tin trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này.

Điều 14. Trách nhiệm chung của các đơn vị, cá nhân thuộc Ngân hàng Nhà nước trong việc công bố thông tin

1. Phó Thống đốc, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thống đốc về nội dung thông tin do mình công bố.

2. Văn phòng có trách nhiệm:

a) Làm đầu mối giúp Thống đốc quản lý việc công bố thông tin về tiền tệ và ngân hàng.

b) Tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân do cơ quan báo chí đăng tải hoặc chuyển đến Ngân hàng Nhà nước có liên quan đến tiền tệ và ngân hàng, trình Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách công tác thông tin tuyên truyền xử lý.

c) Làm đầu mối tổng hợp, trình Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách công tác thông tin tuyên truyền xử lý việc các phương tiện thông tin tuyên truyền đăng tải những thông tin nhạy cảm, chưa chính xác, sai sự thật về tiền tệ và ngân hàng.

d) Định kỳ 6 tháng, chủ trì tổ chức hội nghị giao ban báo chí trong ngành Ngân hàng.

3. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan theo quy định tại Thông tư này và chỉ đạo của Thống đốc để phục vụ việc công bố thông tin về tiền tệ và ngân hàng.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý việc công bố thông tin về tiền tệ và ngân hàng trên địa bàn. Trường hợp phát sinh những vấn đề vượt thẩm quyền, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kịp thời báo cáo Thống đốc (qua Văn phòng) để xử lý.

Chương III CUNG CẤP THÔNG TIN

Điều 15. Đối tượng được cung cấp thông tin

1. Cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức tài chính quốc tế theo cam kết của Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước.

3. Tổ chức, cá nhân khác theo chỉ đạo của Thống đốc.

4. Việc cung cấp thông tin cho báo chí thực hiện theo quy định về công bố thông tin nêu tại Chương 2 Thông tư này.

Điều 16. Phạm vi thông tin cung cấp

Phạm vi thông tin cung cấp là các thông tin về tiền tệ và ngân hàng thuộc thẩm quyền quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. Thẩm quyền cung cấp thông tin

1. Thống đốc là người có thẩm quyền quyết định việc cung cấp thông tin cho các đối tượng quy định tại Điều 15 Thông tư này.

2. Thống đốc giao Phó Thống đốc quyết định việc cung cấp thông tin cho

các đối tượng quy định tại Điều 15 Thông tư này trong phạm vi lĩnh vực Phó Thống đốc phụ trách, quản lý hoặc theo chỉ đạo của Thống đốc trong từng trường hợp cụ thể.

3. Thủ trưởng đơn vị tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin cho các đối tượng quy định tại Điều 15 Thông tư này theo chỉ đạo hoặc uỷ quyền của Thống đốc, Phó Thống đốc.

4. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của cấp uỷ, chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cung cấp thông tin cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Cách thức cung cấp thông tin

1. Thông tin được cung cấp bằng văn bản, file điện tử qua mạng Internet hoặc các vật mang tin khác.

2. Cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền của Thống đốc, Phó Thống đốc:

a) Thống đốc, Phó Thống đốc giao một đơn vị làm đầu mối chuẩn bị nội dung thông tin cung cấp.

b) Đơn vị đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan soạn thảo, trình Thống đốc, Phó Thống đốc duyệt nội dung thông tin để gửi cho đối tượng được cung cấp thông tin theo quy định.

3. Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước quyết định cách thức cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền được giao tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 17 Thông tư này.

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong cung cấp thông tin

1. Cán bộ, công chức, viên chức, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được giao cung cấp thông tin, làm đầu mối cung cấp thông tin chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thống đốc về thông tin đã cung cấp.

2. Tổ chức, cá nhân được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin có trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo đảm bí mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Cung cấp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước

Việc cung cấp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành


1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/04/2012.

2. Thông tư này thay thế Quyết định số 736/2003/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 7 năm 2003 về việc ban hành quy định nội bộ về công bố, cung cấp thông

tin ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước và Quyết định số 44/2007/QĐ-NHNN ngày 17 tháng 12 năm 2007 về việc ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước cho báo chí.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng làm đầu mối hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này và tổng hợp, báo cáo Thống đốc.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này và báo cáo tình hình thực hiện trong báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm và năm gửi Văn phòng. 

THỐNG ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 22;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (2 bản);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu VP, PC.



NGUYỄN VĂN BÌNH

PHỤ LỤC QUY ĐỊNH VIỆC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TIỀN TỆ VÀ NGÂN HÀNG TRÊN WEBSITE NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35../2011/TT-NHNN ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

STT	Nội dung thông tin công bố	Đơn vị đầu mối cập nhật thông tin	Thẩm quyền duyệt thông tin đăng tải	Định kỳ công bố	Thời hạn công bố
I	Văn bản QPPL về tiền tệ, ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành				
1	Nội dung văn bản	Văn phòng	Chánh Văn phòng	Khi phát sinh	Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
2	Thông cáo báo chí	Đơn vị soạn thảo văn bản QPPL	Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách	Khi phát sinh	
II	Chủ trương, quyết định điều hành của Ngân hàng Nhà nước về tiền tệ và ngân hàng				
1	Chủ trương, định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước về tiền tệ và ngân hàng	Văn phòng	Thống đốc	6 tháng, năm hoặc khi có điều chỉnh, thay đổi	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
2	Các mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định	Vụ Chính sách tiền tệ	Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ	Khi thay đổi	
3	Tỷ giá bình quân liên ngân hàng	Vụ Quản lý ngoại hối	Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối	Hàng ngày	9h ngày hiệu lực
4	Quyết định điều hành khác của Thống đốc về tiền tệ và ngân hàng	Đơn vị soạn thảo văn bản	Thủ trưởng đơn vị soạn thảo văn bản	Khi phát sinh	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
III	Thông báo về thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng				
1	Thành lập, mua, bán, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, phá sản, giải thể, thu hồi giấy phép tổ chức tín dụng	Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng	Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng	Khi phát sinh	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
2	Chấp thuận mở rộng mạng lưới của tổ chức tín dụng				
3	Xử phạt vi phạm hành chính				

IV	Tình hình diễn biến tiền tệ và hoạt động ngân hàng toàn hệ thống				
1	Diễn biến lãi suất huy động và cho vay VND, ngoại tệ của tổ chức tín dụng đối với khách hàng	Vụ Chính sách tiền tệ	Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ	Hàng tuần	Ngày làm việc thứ 2 của tuần sau
2	Diễn biến lãi suất bình quân trên thị trường liên ngân hàng	Vụ Tín dụng	Vụ trưởng Vụ Tín dụng	Hàng tuần	Ngày làm việc thứ 2 của tuần sau
3	Kết quả hoạt động của thị trường liên ngân hàng	Vụ Tín dụng	Vụ trưởng Vụ Tín dụng	Hàng ngày	9h ngày làm việc tiếp theo
4	Kết quả đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở	Sở giao dịch	Giám đốc Sở giao dịch	Từng phiên	9h ngày làm việc tiếp theo
5	Kết quả đấu thầu tín phiếu kho bạc	Sở giao dịch	Giám đốc Sở giao dịch	Từng phiên	9h ngày làm việc tiếp theo
6	Tỷ giá tính thuế xuất nhập khẩu	Vụ Quản lý ngoại hối	Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối	10 ngày/lần	9h ngày hiệu lực đầu tiên
7	Tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại	Vụ Quản lý ngoại hối	Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối	Hàng ngày	9h ngày hiệu lực
8	Tỷ giá tham khảo tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước	Sở giao dịch NHNN	Giám đốc Sở giao dịch NHNN	Hàng ngày	9h ngày hiệu lực
9	Diễn biến thị trường ngoại tệ, vàng	Vụ Quản lý ngoại hối	Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối	Hàng tuần	Ngày làm việc thứ 2 của tuần sau
10	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của tổng phương tiện thanh toán	Vụ Dự báo Thống kê tiền tệ	Tổng đốc hoặc Phó Tổng đốc phụ trách	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
11	Tỷ trọng tiền mặt trong lưu thông trên tổng phương tiện thanh toán	Vụ Dự báo Thống kê tiền tệ	Tổng đốc hoặc Phó Tổng đốc phụ trách	Hàng Tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
12	Cán cân thanh toán quốc tế	Vụ Dự báo Thống kê tiền tệ	Tổng đốc hoặc Phó Tổng đốc phụ trách	Hàng quý	Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo

13	Tốc độ tăng trưởng và số dư tiền gửi của khách hàng tại tổ chức tín dụng (chi tiết theo tổ chức kinh tế và dân cư)	Vụ Dự báo Thống kê tiền tệ	Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách	Hàng tháng	Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
14	Tốc độ tăng trưởng và dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế (chi tiết theo ngành kinh tế)				
15	Tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế				
16	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của vốn điều lệ (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
17	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của vốn tự có (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)				
18	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của tổng tài sản có (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)				
19	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)				
20	Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)				
21	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách	Hàng quý, 6 tháng, năm	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo
22	Hệ số ROA – Lợi nhuận trên Tổng tài sản (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)				
23	Hệ số ROE - Lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Vụ Thanh toán	Phó Thống đốc phụ trách	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
24	Số lượng giao dịch, giá trị giao dịch của hệ thống thanh toán quốc gia				
25	Số lượng ATM, POS/EFTPOS/EDC; số lượng giao dịch và giá trị giao dịch qua ATM, POS/EFTPOS/EDC				

26	Số lượng thẻ đã phát hành (phân theo phạm vi và nguồn tài chính); số lượng giao dịch và giá trị giao dịch được thực hiện bằng thẻ ngân hàng	Vụ Thanh toán	Phó Thống đốc phụ trách	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
27	Số lượng giao dịch và giá trị giao dịch được thực hiện bằng các phương tiện thanh toán khác				
28	Tổng số lượng và tổng số dư tài khoản tiền gửi thanh toán của cá nhân				
29	Danh sách các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không phải là tổ chức tín dụng	Vụ Thanh toán	Vụ trưởng Vụ Thanh toán	Khi có thay đổi	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi cấp giấy phép/văn bản chấp thuận
30	Kết quả điều tra thống kê trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng	Vụ Dự báo, thống kê tiền tệ	Phó Thống đốc phụ trách	Khi có kết quả điều tra	Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết quả điều tra được phê duyệt
31	Báo cáo phân tích, đánh giá về tình hình kinh tế vĩ mô, điều hành của Ngân hàng Nhà nước và diễn biến tiền tệ, ngân hàng.	Văn phòng	Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách thông tin, tuyên truyền	Hàng quý, 6 tháng, năm	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo